

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thanh Hương, bà Lê Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị M, sinh năm 1995, có mặt

Nơi ĐKKHKT: thôn HL, xã LH, huyện VT, Vĩnh Phúc

Địa chỉ hiện nay: Bản Pù Cày, xã Pha Mu, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989, vắng mặt

Nơi cư trú: thôn HL, xã LH, huyện VT, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 7 năm 2022 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau ngày 26 tháng 8 năm 2016, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã LH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong thì vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh H tại xã LH, huyện VT.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân một phần do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh H là người không chịu khó làm ăn, chơi bời, rượu chè, lại thường xuyên về chửi bới, đánh đuổi chị. Tháng 8 năm 2018 chị bỏ về nhà mẹ đẻ tại huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Chị M xác định tình cảm với anh H không còn, xin được ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay cháu đang do anh H nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn, chị đề nghị để anh H nuôi con, chị xin được đóng góp nuôi con 1.500.000đ/01 tháng.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức*: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị M tự nguyện chịu nộp.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa: Mặc dù anh H đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Tòa án đã làm việc với mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Gái (hiện đang sinh sống cùng nhà với anh) thì được biết: vợ chồng anh mâu thuẫn, việc Tòa án giải quyết ly hôn anh H có biết nhưng không đến Tòa án làm việc. Do vậy, Tòa án căn cứ lời trình bày của các đương sự khác và các tài liệu, chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho anh H nuôi dưỡng con chung; chị M phải đóng góp nuôi con chung là 1.500.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Bị đơn có nơi cư trú tại xã LH, huyện VT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt và không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, làm việc với mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị Gái (hiện đang sinh sống cùng nhà với anh) thì xác định được: Anh H vẫn sinh sống tại địa phương, anh H biết việc Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh H không đến làm việc, tham gia các phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do (đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ). Do vậy, HĐXX

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh H là tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ hòa thuận với nhau thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại UBND xã LH; căn cứ lời trình bày của chị M; căn cứ lời trình bày của bà Gái (mẹ đẻ, sống cùng nhà với anh H), có căn cứ xác định: Vợ chồng anh H, chị M thường xuyên bất hòa, mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Một phần do tính cách vợ chồng không hợp, không hiểu nhau, không quan tâm nhau, một phần khác là do anh H mãi chơi, hay uống rượu say rồi chửi mắng, đánh đuổi chị M. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, các bên không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ hay chia sẻ gì với nhau trong khoảng thời gian này.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị M, anh H đã trầm trọng; các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng nên việc chị M xin ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 01/10/2015. Hiện nay cháu đang do anh H nuôi dưỡng chăm sóc tại xã LH, huyện VT. Xét việc cháu Quỳnh Anh là do anh H nuôi dưỡng từ bé đến nay, bản thân chị M cũng không muốn nuôi con, và xét thấy cũng không cần phải thay đổi môi trường sinh sống, học tập của cháu bé. Cần tiếp tục giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và cũng chấp nhận việc chị M tự nguyện đóng góp nuôi con chung cùng anh H là 1.500.000đ/01 tháng; tính từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu Quỳnh Anh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị M và anh Nguyễn Văn H

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Quỳnh Anh, sinh ngày 01/10/2015 (hiện đang sống cùng với anh H tại huyện VT).

Buộc chị Lò Thị M phải đóng góp nuôi con chung cùng anh H là 1.500.000đ/01 tháng; tính từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu Quỳnh Anh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh H có yêu cầu thi hành án, nếu chị M không đóng góp đủ số tiền nuôi con theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm đóng góp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: **0005558** ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành dân sự huyện VT.

Buộc chị Lò Thị M phải tiếp tục nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã LH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thành Công

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, VT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trọng